

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng 9 năm 2026)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT     | Nội dung                                                                                                                                                                         | Dự toán giao đầu năm | Dự toán điều chỉnh | Dự toán được sử dụng |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                                                                                                                               |                      |                    |                      |
| <b>I</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                                                                                                                        |                      |                    |                      |
| 1         | Lệ phí                                                                                                                                                                           |                      |                    |                      |
| 2         | Phí                                                                                                                                                                              |                      |                    |                      |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                                                                                                                          |                      |                    |                      |
| 1         | Chi sự nghiệp                                                                                                                                                                    |                      |                    |                      |
| 2         | Chi quản lý hành chính                                                                                                                                                           |                      |                    |                      |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước (NSNN)</b>                                                                                                                                     | <b>31.341</b>        | <b>(18.742)</b>    | <b>12.599</b>        |
| <b>I</b>  | <b>Nguồn ngân sách nhà nước</b>                                                                                                                                                  | <b>31.341</b>        | <b>(18.742)</b>    | <b>12.599</b>        |
|           | <b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>                                                                                                                                                     | <b>31.341</b>        | <b>(18.742)</b>    | <b>12.599</b>        |
| a         | <b>Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa</b>                                                                                                                                            | <b>26.543</b>        | <b>(13.944)</b>    | <b>12.599</b>        |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</b>                                                                                                                                         | <b>14.765</b>        | <b>(14.765)</b>    | <b>-</b>             |
|           | - Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP                                                                                                                            | 8.899                | (8.899)            | -                    |
|           | - Kinh phí hoạt động theo định mức, trong đó: Sở tài chính đã nhập dự toán giảm từ đầu năm theo QĐ số 2638/QĐ-TTg của TTCP 528trđ, dự toán còn lại nhập điều chỉnh giảm 5.338trđ | 5.866                | (5.866)            | -                    |
|           | + Hệ cao đẳng, trong đó: Sở tài chính đã nhập dự toán giảm từ đầu năm theo QĐ số 2638/QĐ-TTg của TTCP 486trđ, dự toán còn lại nhập điều chỉnh giảm 4.914trđ                      | 5.400                | (5.400)            | -                    |
|           | + Hệ trung cấp, trong đó: Sở tài chính đã nhập dự toán giảm từ đầu năm theo QĐ số 2638/QĐ-TTg của TTCP 42trđ, dự toán còn lại nhập điều chỉnh giảm 424trđ                        | 466                  | (466)              | -                    |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ</b>                                                                                                                                   | <b>11.778</b>        | <b>821</b>         | <b>12.599</b>        |
|           | - Bổ sung chế độ Lễ, Tết Nguyên đán                                                                                                                                              | 221                  |                    | 221                  |
|           | - Cấp bù học phí                                                                                                                                                                 | 1.222                | 821                | 2.043                |
|           | - Kinh phí học bổng học sinh DTTS theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-HĐND và Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Chính phủ                                               | 2.267                |                    | 2.267                |

|            |                                                                                                                                                                                  |              |                |       |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------|-------|
|            | - Kinh phí học bổng cho học sinh các ngành nghề nặng nhọc độc hại                                                                                                                | 8.068        |                | 8.068 |
| <b>b</b>   | <b>Trường Cao đẳng Y tế Ninh Thuận</b>                                                                                                                                           | <b>4.798</b> | <b>(4.798)</b> | -     |
| <b>1</b>   | <b>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</b>                                                                                                                                         | <b>3.977</b> | <b>(3.977)</b> | -     |
|            | - Kinh phí tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP                                                                                                                            | 2.397        | (2.397)        | -     |
|            | - Kinh phí hoạt động theo định mức, trong đó: Sở tài chính đã nhập giảm dự toán từ đầu năm theo QĐ số 2638/QĐ-TTg của TTCP 142trđ, dự toán còn lại nhập điều chỉnh giảm 1.438trđ | 1.580        | (1.580)        | -     |
| <b>2</b>   | <b>Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ</b>                                                                                                                                   | <b>821</b>   | <b>(821)</b>   | -     |
|            | - Cấp bù học phí                                                                                                                                                                 | 821          | (821)          | -     |
|            |                                                                                                                                                                                  |              |                |       |
| <b>II</b>  | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                                                                                                        |              |                |       |
|            |                                                                                                                                                                                  |              |                |       |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                                                                                                                                   |              |                |       |
|            |                                                                                                                                                                                  |              |                |       |

Khánh Hòa, ngày    tháng 9 năm 2026  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**Trần Ngọc Thành**